

UBND TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ: Đại học

Ngành đào tạo: Kiểm toán

Mã số: 7340302

Thanh Hóa, 2023



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD, ngày tháng năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

**Tên chương trình:** Kiểm toán  
**Trình độ đào tạo:** Đại học  
**Chuyên ngành đào tạo:** Kiểm toán  
**Mã ngành:** 734.03.02

**I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Giới thiệu về chương trình**

Chương trình đào tạo ngành Kiểm toán được xây dựng lần đầu năm 2011 là chương trình tiên tiến đảm bảo cung cấp các kiến thức và kỹ năng ở mức độ cơ bản và nâng cao để người học sau khi tốt nghiệp được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên sâu về kiểm toán có thể thực hiện đảm đương các công việc kiểm toán như lập kế hoạch kiểm toán, xây dựng chương trình kiểm toán, thu thập các bằng chứng thông tin kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán tại các tổ chức kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ và Kiểm toán Nhà nước. Ngoài ra, người học cũng có thể đảm đương công tác quản lý tài chính trong các đơn vị và các cơ quan quản lý Nhà nước. Chương trình được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân kiểm toán có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có đủ kiến thức kinh tế, tài chính kế toán để tổ chức hoạt động kế toán, kiểm toán tại các tổ chức, các đơn vị hành chính sự nghiệp. Có thể thực hiện các nghiệp vụ kế toán tổng hợp, phân tích tài chính và tư vấn tài chính-kế toán. Có đủ kiến thức và năng lực tham gia dự thi lấy chứng chỉ kế toán chuyên nghiệp của Việt nam và quốc tế, kiểm toán viên hành nghề độc lập. Người học sau khi tốt nghiệp có đảm bảo trình độ về ngoại ngữ: Có trình độ tiếng Anh 3/6 khung năng lực ngoại ngữ châu Âu và chuẩn trình độ tin học theo quy định hiện hành.

Chương trình được xây dựng với khối lượng kiến thức toàn khoá theo thời gian đào tạo 3,5 năm đến 4 năm với 128 tín chỉ trong đó 45 tín chỉ là khối kiến thức giáo dục đại cương, 83 tín chỉ khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Đối với khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, thì khối lượng kiến thức cơ sở là: 20 tín chỉ, khối kiến thức ngành là 45 tín chỉ, khối kiến thức bổ trợ tự do là 7 tín chỉ và khoá luận/thay thế tốt nghiệp và thực tập là 11 tín chỉ. Chương trình đào tạo ngành Đại học Kiểm toán có 36 học phần bắt buộc (102 tín chỉ) và 9 học phần tự chọn (26 tín chỉ).

Chương trình đào tạo gồm có 45 học phần được phân bổ trong 8 học kỳ: (kỳ 1: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 2: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 3: gồm 06 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 4: gồm 06 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 5: gồm 07 học phần, 19 tín chỉ; kỳ 6: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 7: gồm 05 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 8: gồm 02 học phần thay thế/KLTN và thực tập TN, 11 tín chỉ)

**Khối kiến thức giáo dục đại cương**

Nắm vững kiến thức về triết học và kinh tế chính trị Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và hiểu biết về pháp luật và chính sách của Nhà nước để xét đoán và xử lý các hiện tượng và tình huống trong hoạt động kinh tế, tài chính.

**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**

- Cung cấp kiến thức về luật kinh tế nói chung, pháp luật về tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán nói riêng. Hiểu và vận dụng pháp luật và chuẩn mực, kiểm toán Việt nam và quốc tế trong quá trình thực hiện công tác kiểm toán phù hợp các loại hình sản xuất kinh doanh, các loại hình tổ chức hoạt động tài chính.

- Có kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô, vĩ mô, khoa học thống kê, kinh tế học quản lý và khoa học quản lý, kiến thức về tài chính doanh nghiệp, tài chính công, thuế, thị trường tài chính và tiền tệ và thanh toán quốc tế.

- Có kiến thức về các nghiệp vụ Kế toán: Kế toán tài chính, kế toán quản trị, Kế toán nhà nước, phân tích tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh.

- Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kiểm toán tài chính, kiểm toán nội bộ, kiểm toán các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, có khả năng thực hành dịch vụ và hành nghề kế toán, kiểm toán ...

- Biết cách xử lý các nghiệp vụ về kế toán và kiểm toán.

Ngành Kiểm toán có đội ngũ 17 giảng viên giảng dạy trình độ cao trong đó có 12. Các giảng viên đều là người có năng lực chuyên môn cao, được sinh viên tín nhiệm, được đào tạo từ các trường đại học uy tín trong nước như Học viện Tài chính, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Thương mại, ... và các trường đại học trên thế giới như Anh, Australia. Cơ sở vật chất đào tạo khang trang với hệ thống phương tiện phục vụ giảng dạy nghiên cứu được trang bị đầy đủ, hệ thống phòng thực hành tin, kế toán được đưa vào ứng dụng trong giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học sát với thực tiễn từ phát huy và hoàn thiện các năng lực, kỹ năng của học viên.

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Cử nhân Kiểm toán
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Bachelor of Auditing
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	734.03.02
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Kế toán tài chính
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Thời gian đào tạo:	3,5 đến 4,0 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	128
Điều kiện tốt nghiệp:	Theo quy định đào tạo hiện hành
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Vị trí làm việc:	<p>- Sau khi tốt nghiệp cử nhân kiểm toán có thể đảm nhận các công việc: Kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên nội bộ; cán bộ trong cơ quan thanh tra, cơ quan thuế, kho bạc nhà nước; cán bộ kế toán, tài chính và thuế; Cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kiểm toán hoặc kế toán</p> <p>- Sau khi tốt nghiệp cử nhân kiểm toán có thể công tác tại: Cơ quan Kiểm toán Nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập trong và ngoài nước; các ngân hàng thương mại, tập đoàn kinh tế, công ty niêm yết hay các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, các Trường, Học viện, Viện hay Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kiểm toán, kế toán.</p> <p>- Khi được trang bị chứng chỉ nghề nghiệp, cử nhân ngành Kiểm toán có thể tự tạo lập công ty dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn tài chính để phát triển các cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.</p>

Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán – Học viện Tài chính 2020</li> <li>2. Chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán – Đại học Kinh tế quốc dân (2021)</li> <li>3. Chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán 2022 – Trường đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng</li> <li>4. Chương trình đào tạo Ngành Kiểm toán 2022</li> <li>5. Viện Kế toán Kiểm toán Trường đại học Tài chính ngân hàng Hà Nội</li> <li>6. Trường đại học Far Eastern, Philippines, Bachelor of Science in Internal Auditing</li> </ol>

### 3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

#### 3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khoẻ tốt; có trình độ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kiểm toán; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kiểm toán, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn phức tạp; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong môi trường làm việc thay đổi, linh hoạt. Có thể tự khởi nghiệp góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đất nước; có khả năng tiếp tục học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của công việc.

#### 3.2. Mục tiêu cụ thể

##### 3.2.1. Kiến thức:

**PO1:** Có kiến thức cơ bản về Lý luận chính trị; hiểu biết đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

**PO2:** Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và công nghệ số.

**PO3:** Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị tài chính và quản trị doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu chuyên môn kiểm toán cũng như để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế.

**PO4:** Có kiến thức sâu, rộng về kiểm toán; biết cách vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết tốt các vấn đề cụ thể trong công tác kiểm toán ở các đơn vị thuộc các lĩnh vực hoạt động khác nhau.

##### 3.2.2. Kỹ năng

**PO5:** Người học được trang bị các kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết để có khả năng giao tiếp được bằng Tiếng Anh và đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh phục vụ học tập và nghiên cứu các lĩnh vực chuyên môn.

**PO6:** Có kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến hoạt động kiểm toán trong doanh nghiệp và trong các tổ chức khác. Người học có kỹ năng về lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tổ chức giám sát, quản lý và điều hành hoạt động kiểm toán tại các đơn vị, tổ chức.

### 3.2.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

**PO7:** Có năng lực tự thích nghi và học tập suốt đời, có khả năng làm việc độc lập và tự chịu trách nhiệm, có tác phong chuyên nghiệp, cầu thị, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm phản biện xã hội.

## 4. **Chuẩn đầu ra**

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành kiểm toán trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức lý thuyết và thực tế, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử, thể hiện mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Người học phải đạt bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ, cụ thể như sau:

### 4.1. **Kiến thức**

**PLO1:** Vận dụng được kiến thức về Lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất vào quá trình học tập và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

**PLO2:** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp...

**PLO3:** Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị tài chính và quản trị doanh nghiệp để phân tích, đánh giá và báo cáo về tình hình tài chính doanh nghiệp, tư vấn, hỗ trợ nhà quản lý trong quá trình ban hành các quyết định về chính sách tài chính, đầu tư, nhân sự và marketing và các hoạt động khác trong đơn vị kiểm toán.

**PLO4:** Vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên sâu của kế toán tài chính để phân tích báo cáo tài chính và vận dụng kiến thức vào thực tiễn công tác kiểm toán từ khâu lập kế hoạch, tìm kiếm bằng chứng kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán

**PLO5:** Vận dụng các kiến thức chuyên sâu của kế toán các đơn vị hành chính sự nghiệp, kế toán quản trị, phân tích hoạt động kinh doanh để có thể thực hiện chức năng đánh giá, báo cáo và tư vấn cho các nhà lãnh đạo trong việc quản lý và ra các quyết định quản trị.

**PLO6:** Vận dụng các kiến thức chuyên sâu kiểm toán như: Kiểm toán nội bộ, kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động để phân tích, đánh giá, báo cáo và tư vấn về tình hình tài sản; tình hình tuân thủ; tính hiệu quả, hiệu năng và tính kinh tế trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, và các đơn vị tổ chức khác.

### 4.2. **Kỹ năng**

**PLO7:** Đạt trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 (mức 4,0/10 điểm theo định dạng đề thi được quy định tại Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) đối với trình độ đại học.

**PLO8:** Có kỹ năng tổ chức, lập kế hoạch, kỹ năng xử lý các tình huống để thực hiện điều phối các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ như lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện các kỹ thuật kiểm toán, có khả năng đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

**PLO9:** Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức làm việc nhóm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán các đơn vị, tổ chức.

#### 4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

**PLO10:** Thích nghi được với sự phát triển của xã hội và ngành nghề trong tương lai để tự phát triển bản thân, học hỏi và cập nhật kiến thức mới; hành động phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

#### 5. Chuẩn đầu vào của chương trình

Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

#### 6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						
	Kiến thức				Kỹ năng		Mức tự chủ và trách nhiệm
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO1	✓						
PLO2		✓					
PLO3			✓				
PLO4				✓			
PLO5				✓			
PLO6				✓			
PLO7					✓		
PLO8						✓	
PLO9						✓	
PLO10							✓

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT

#### 7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

- Chuẩn bị của giảng viên: Giảng viên chuẩn bị bài giảng, nắm vững nội dung giảng dạy chuẩn bị hồ sơ lên lớp gồm đề cương, giáo trình, danh sách theo dõi quá trình học tập của sinh viên đầy đủ theo yêu cầu của từng học phần (được ghi trong đề cương chi tiết). Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Giảng viên chủ động đầu mối với các bộ phận có liên quan để chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, phòng học phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và thực hành của sinh viên.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp lớp học đảo ngược, thực hành, thăm quan thực tế doanh nghiệp... (áp dụng cho các tiết học thực hành, thực tế)

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó,

thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

### 7.2. Các phương thức đánh giá

Có nhiều hình thức và phương pháp đánh giá được áp dụng trong quá trình giảng dạy như đánh giá sự chuyên cần, đánh giá kiến thức, đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ, cụ thể:

- Đánh giá quá trình (30%): Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ (20%): Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn môn học.

- Đánh giá cuối kỳ (50%): Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, làm bài tập lớn.

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức chung 45 tín chỉ	Bắt buộc	41
		Tự chọn	4
2	Kiến thức cơ sở 20 tín chỉ	Bắt buộc	20
		Tự chọn	0
3	Kiến thức bổ trợ, 07 tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	7
4	Kiến thức ngành, 45 tín chỉ	Bắt buộc	30
		Tự chọn	15
5	Kiến thức rèn nghề, thực tập 5 tín chỉ	Bắt buộc	5
		Tự chọn	0
6	Khóa luận/học phần thay thế 6 tín chỉ	Bắt buộc	6
		Tự chọn	0
<b>Tổng số: 128 tín chỉ</b>			

### 2. Mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
<b>A</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC GDĐC</b>			
<b>I</b>	<b>Lý luận chính trị</b>			
1	196055	Triết học Mác-Lênin 3 (32, 26,0)	<i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm 3 chương, chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất,	<b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Bộ Giáo dục & ĐT (2021), <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. <b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Bộ Giáo dục &



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin; Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân; Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.</p>	<p>ĐT (2021), <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p> <p>2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.</p>
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin 2(21,18,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b></p> <p>Bộ GD&amp;ĐT (2021), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p> <p>1) Bộ GD&amp;ĐT (2006), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin; Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới; Tin tưởng và chấp hành nghiên túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.</p>	<p>kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), NXB CTQG, Hà Nội.</p> <p>2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.</p>
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học 2 (21,18,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b></p> <p>Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p> <p>1) Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo (2008), <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học</i>, NXB Chính trị quốc gia.</p> <p>2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986;</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin; Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.</p>	<p>1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.</p>
4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản VN 2 (21,18,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>  Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Sự thật.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>  1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, Tập 1,2,3, NXB Chính trị Quốc gia.  2) Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69), NXB Chính trị Quốc gia, Sự thật.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>(1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay); Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.</p>	
5	197035	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh 2 (21,18,0)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn. <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững và khái quát</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. <b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15). 2) Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh; Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam; Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p>	Nội.
6	197030	Pháp luật đại cương 2 (18,12,12)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng,</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB Lao động</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoàn (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, NXB Công an nhân dân. 2) Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam</i>, NXB Công an nhân dân.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động; Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội; Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.	
<b>II</b>	<b>Khoa học QL, KHXH &amp; nhân văn</b>			
7	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 3 (27,26,10)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; Tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có thể khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc; Thành thạo trong phân tích và vận dụng các kỹ thuật tư duy sáng tạo như Mindmap, Scamper, động não... vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; Phân</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>  Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) <i>Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ</i>, NXB Phụ nữ.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p> <p>1) Lê Hoàng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), <i>Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết &amp; Thực tiễn</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p> <p>2) Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – <i>Giáo trình Khởi sự kinh doanh</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>tích, lựa chọn và đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi; Xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng/dự án khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng; Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng bản kế hoạch hoàn thiện năng lực; Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan tỏa tinh thần khởi nghiệp ĐMST mọi người.</p>	
8	151017	<p>Phương pháp NCKH chuyên ngành KT-QTKD 3 (27, 36)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Nội dung của học phần tập trung vào các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Sau khi nghiên cứu môn học, người học sẽ có những phương pháp, kỹ năng nghiên cứu, phân tích các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên được trang bị những</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Trần Tiến Khai (2014), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế</i>, ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Lao động xã hội.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Nguyễn Văn Thắng (2014), <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, Nhà xuất bản ĐH KTQD. 2) Vũ Cao Đàm (2019), <i>Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>kiến thức cơ bản nhất về NCKH trong lĩnh vực kinh tế như các phương pháp nghiên cứu, cách trình bày NCKH, các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin trong quá trình NCKH; Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức được trang bị để phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu, thu thập, xử lý, phân tích thông tin về vấn đề nghiên cứu; Vận dụng các kỹ năng về phát hiện vấn đề nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê như SPSS, Eviews trong xử lý, phân tích thông tin kinh tế; Sinh viên có thể tự chủ trong thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh. Sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin và trình bày báo cáo NCKH một cách rõ ràng, hợp lý, khoa học.</p>	
9	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam 2 (18,18,6)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Trần Ngọc Thêm (1998), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB Giáo dục.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Trần Quốc Vượng (2008), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB Giáo dục 2) Đào Duy Anh (2021), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội..</p>



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc; Nhận biết được những hiệu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa; Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống; Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.</p>	
10	125105	Môi trường và con người 2 (18,18,6)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011), <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>, Nxb GDHN</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), <i>Giáo trình Môi trường và con</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động; Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn; Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động; Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường.</p>	<p>người, NXB GD.</p> <p>2) Luật bảo vệ môi trường 2020 (<i>Luật số: 72/2020/QH14</i>).</p>
<b>11</b>	<b>Chọn 1 trong 2 học phần</b>			
a	196025	Logic học đại cương 2 (18,12,12)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu về đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập và ý nghĩa nghiên cứu môn học, nội dung</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>  Vương Tất Đạt (2000), <i>Lôgic học đại cương</i>, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>chương trình môn học được chia thành 5 chương. Chương 2 giới thiệu bản chất, cấu trúc, các loại, quan hệ giữa các khái niệm và các thao tác trên khái niệm. Trên cơ sở khái niệm, đơn vị cơ bản cấu thành tư tưởng, chương 3 phân tích kết cấu của tư tưởng, các đơn vị và mối liên hệ giữa các đơn vị cấu thành một tư tưởng để khẳng định hay phủ định thuộc tính, quan hệ hay sự tồn tại của đối tượng. Chương 4 giới thiệu các quy luật cơ bản của logic hình thức. Các chương còn lại tập trung phân tích các thao tác của tư duy gồm các phép suy luận suy diễn và suy luận quy nạp, chứng minh và bác bỏ.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên tái lập có hệ thống các kiến thức về đặc trưng, kết cấu logic của khái niệm, mối quan hệ giữa các khái niệm, các thao tác logic trên khái niệm, các loại phán đoán, suy luận suy diễn và suy luận quy nạp, các quy luật cơ bản của tư duy, các quy tắc trong chứng minh và bác bỏ; Rèn luyện được tư duy logic để nâng cao năng lực nhận thức khoa học. Vận dụng một cách đúng đắn, linh hoạt các thao tác logic trong khái niệm, phán đoán, suy luận trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học; Khẳng định được năng lực của bản thân trong học tập và nghiên cứu. Có thái độ khách quan, khoa học trong</p>	<p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p> <p>1) Nguyễn Như Hải (2007), <i>Giáo trình Logic học đại cương</i>, Nxb. Giáo dục.</p> <p>2) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh khu vực 1, (2007), <i>Giáo trình Logic học</i> (tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Chính trị Quốc gia.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			nhận thức và phản biện. Có niềm tin vào chân lý. Đấu tranh chống lại những tư tưởng sai lầm trong nghiên cứu khoa học cũng như trong thực tiễn xã hội.	
b	181002	Tâm lý học trong quản lý KD 2 (18,18,6)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh; Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại; Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh; Vấn đề giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phân tích được những vấn đề cơ bản của Tâm lý học quản lý kinh doanh; Lý giải được đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại và đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong kinh doanh; Xác định được các vấn đề về giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Đánh giá được vai trò của quảng cáo thương mại đối với tâm lý người tiêu dùng; Xây dựng được kế hoạch khảo sát, nghiên cứu thị trường tiêu dùng...thông qua các phương pháp nghiên cứu cụ thể; Nhận diện và kiểm soát được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và tâm lý các đối tượng trong quản lý kinh doanh nói riêng; Hình thành kỹ năng giao tiếp và giải quyết các tình huống trong quản lý kinh doanh; Hình thành ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Bá Dương – Đức Uy (2007), <i>Giáo trình Tâm lý học kinh doanh</i>, NXB Thống kê.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Nguyễn Hữu Thu (2009), <i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i>, NXB ĐHQG Hà Nội. 2) Nguyễn Thị Thu Hiền (2000), <i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i>, NXB Thống kê.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, thích ứng nhanh với những biến đổi của xã hội; Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp; Cam kết cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.	
12	<b>Chọn 1 trong 3 học phần</b>			
a	125225	Địa lý kinh tế Việt Nam 2 (18,24,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Địa lý kinh tế Việt Nam cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển KT Việt Nam như: vị trí địa lý, các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện kinh tế xã hội; Thực trạng phát triển các ngành kinh tế ở Việt nam hiện nay; Đặc điểm phát triển các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm của Việt nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên làm rõ được các kiến thức về nguồn lực phát triển kinh tế, ngành và vùng kinh tế; Phân tích mối quan hệ của các yếu tố nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam, đánh giá được những ảnh hưởng của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế của đất nước nói chung, các ngành và các vùng kinh tế nói riêng. Phân tích và đánh giá được thực trạng và xu hướng phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế ở Việt Nam; Tính toán được</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Lê Thông (Chủ biên) (2011), <i>Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam</i>, NXB ĐHSP Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Lê Thông, Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên) (2012), <i>Việt Nam, các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm</i>, NXB Giáo dục Việt Nam. 2) Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê Việt Nam (hàng năm), NXB Thống kê</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>một số chỉ tiêu kinh tế; vẽ biểu đồ, sơ đồ; đọc atlas Địa lí; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian; Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và kinh tế-xã hội của đất nước; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp khai thác tài nguyên bền vững và hiệu quả; Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí kinh tế Việt Nam.</p>	
b	151075	Lịch sử kinh tế quốc dân 2 (18,24,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nền KT thế giới và Việt Nam. Học phần đưa ra quy trình phát triển kinh tế của một số quốc gia tiên tiến trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô, Các nước đang phát triển và ASEAN. Từ đó rút ra vài học phát triển KT cho Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển KT của các nước trên thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử khác nhau; phân tích được những đặc điểm, mô hình và xu hướng phát triển KT của mỗi quốc gia qua các thời kỳ lịch sử cụ thể; Phân tích, đánh giá trình bày được nội dung phát triển kinh tế của các nước</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>  Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Huy Vinh, Trần Khánh Hưng (2013), <i>Giáo trình Lịch sử KT</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>  1) Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý (2008), <i>Giáo trình lịch sử kinh tế</i>, NXB ĐH KTQD.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Liên Xô, Trung Quốc và phương thức phát triển kinh tế Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay; Hiểu những bài học kinh nghiệm về phát triển KT của các quốc gia. Từ đó, sinh viên đạt được những kiến thức về KT - XH, nâng cao trình độ lý luận về KT, bồi dưỡng quan điểm lịch sử, thực tiễn; Nhận thức đúng đắn và toàn diện về lịch sử kinh tế. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	
c	196030	Lịch sử các học thuyết KT 2 (18,24,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của của việc nghiên cứu môn Lịch sử các học thuyết kinh tế. Các chương còn lại cung cấp hệ thống quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế chính trị tiểu tư sản, học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ 19, quá trình phát sinh và phát triển của KTCT Mác- Lênin, học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu rõ về sự ra đời, nội dung, giá trị của các Học thuyết kinh tế; Phân tích, đánh giá được những vấn đề của nền kinh tế thị trường; Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Trần Bình Trọng (2008), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Khoa Kinh tế chính trị (2000), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2) Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), <i>Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ X</i>, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			khoa học chuyên ngành. Vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn sau này nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động kinh tế.	
<b>III</b>	<b>Khoa học tự nhiên-công nghệ</b>			
13	114025	Toán cao cấp 2 (18, 24,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; không gian vector và ánh xạ tuyến tính; phép tính vi phân và tích phân của hàm số.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên giải thành thạo các bài toán về phương trình ma trận, các phép toán trên ma trận; tính thành thạo định thức; Vận dụng các kiến thức về ma trận và định thức vào giải các hệ phương trình tuyến tính; Tính thành thạo các bài toán cơ bản về đạo hàm và tích phân; Giải thành thạo các bài tập cơ bản liên quan đến các tính chất về phép tính vi phân của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán liên quan đến chuyên ngành học; Thể hiện được khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, có khả năng làm việc độc lập.</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>            Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013), <i>Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB Giáo dục.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>            1) Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên), Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chinh (2004), <i>Đại số tuyến tính</i>, NXB Đại học Sư phạm.            2) Nguyễn Tiến Quang, Lê Đình Nam (2014), <i>Cơ sở Đại số tuyến tính</i>, (Dùng cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật), NXB Giáo dục Việt Nam.</p>
14	114005	Xác suất và TK Toán học 3 (27, 36, 0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Sự kiện ngẫu nhiên, sự kiện sơ cấp, không gian sự kiện sơ cấp, khái niệm xác suất, các tính chất của xác suất, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, các tính chất của hàm phân phối, các số đặc trưng, luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm;</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>            Đào Hữu Hồ (2001), <i>Xác suất và Thống kê</i>, NXB Đại học Quốc gia HN.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>            1) Phạm Văn Kiêu, Lê Thiên Hương (2004),</p>



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>một số vấn đề thống kê toán học: mẫu ngẫu nhiên, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, (kiểm định về trung bình, kiểm định về xác suất, ...)</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên giải thành thạo các bài toán xác suất nhờ sử dụng các công thức xác suất: công thức cộng, công thức nhân, công thức xác suất đầy đủ, công thức xác suất Bayes, ...; Tính toán thành thạo các bài toán liên quan đến đại lượng ngẫu nhiên, vecto ngẫu nhiên và vận dụng vào giải một số bài toán thực tế; Giải thành thạo các bài toán cơ bản về ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê trong những tình huống cụ thể; Biết cách tìm hệ số tương quan, giải được bài toán dự đoán và vận dụng vào thực tế; Vận dụng các kỹ năng sáng tạo và kỹ năng phản biện khoa học để tư vấn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn chuyên ngành học; Thể hiện được khả năng nghiên cứu khoa học và làm việc độc lập.</p>	<p><i>Xác suất thống kê</i>, NXB GD.</p> <p>2) Tổng Đình Quý (2000), <i>Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê</i>, NXB GD.</p>
15	172555	Công nghệ số 3 (20,0,50)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm các nội dung về kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số; Ứng dụng công nghệ số trong</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>  Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), <i>Tin học căn bản</i>, NXB Khoa học và Kỹ thuật.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>  1) Bộ Thông tin và truyền thông (2021), <i>Cẩm nang chuyển đổi số</i>, NXB Thông tin và truyền</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			việc học, tự học và trong công việc; Ứng xử phù hợp trong môi trường số; Hợp tác trong môi trường số.	thông.
<b>IV</b>	<b>Ngoại ngữ</b>			
16	133031	Tiếng Anh 1 4 (36, 24, 24)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2 (bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học; Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe; Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Thị Quyết (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>, Nxb. Thanh Hoá.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Raymond Murphy (2013), <i>English Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh Thông dụng 130 bài tập thực hành</i>, Nxb. Thời đại. 2) Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>, Cambridge University Press.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau; Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.</p>	
17	133032	Tiếng Anh 2 3 (27, 18,18)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học; Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu</p>	<p><b>Giáo trình/ Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Thị Quyết (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>, Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p> <p>1) Raymond Murphy (2013), <i>English Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh Thông dụng 130 bài tập thực hành</i>, Nxb. Thời đại.</p> <p>2) Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>, Cambridge University Press.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết; Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau; Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.</p>	
18	133033	Tiếng Anh 3 3 (27, 18,18)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson (2012), <i>English File–Pre-intermediate 3rd edition</i>, Oxford University Press.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học; Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết; Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau; Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận</p>	<p>5, Cambridge University Press. 2) Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test 6</i>, Cambridge University Press</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.</p>	
<b>V</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>			
	191004	Giáo dục thể chất 1 2 (10, 0, 20)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học; Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu; Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>          Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), <i>Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học</i>, Nxb TĐTT, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>          1) Nguyễn Xuân Sinh (2009), <i>Thể dục</i>, Nxb TĐTT, Hà Nội.          2) Đặng Ngọc Quang (2003), <i>Giáo trình Đá cầu</i>, NXB ĐHSP.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>kiện khác nhau; Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực; Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết; Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	
		<b>Giáo dục thể chất 2 (Chọn 1 /5 HP)</b>		
a	191031	Bóng chuyền 2 (0,0,30)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tu thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSPT</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Ủy ban TDTT (2007), <i>Luật bóng chuyền – Bóng chuyền bãi biển</i>, NXB, TDTT. 2) Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB TDTT, Hà Nội.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền; Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng; Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này; Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực; Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết; Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	
b	191032	Thể dục AEROBIC 2 (0,0,30)	<i>Nội dung học phần:</i> Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức,	<b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Đình Khánh Thu (2014),



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe; Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc; Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ; Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực; Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết; Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan</p>	<p><i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, TĐTT HN.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p> <p>1) Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009), <i>Thể dục</i>, TĐTT HN.</p> <p>2) Đặng Quốc Nam (2014), <i>Thể dục tập I, II</i>, NXB TĐTT</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.	
c	191033	Bóng đá 2 (0,0,30)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài).</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá, các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá; Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyền bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện; Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày; Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện,</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Trần Đức Dũng (2007), <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Ủy ban TDTT, <i>Luật Bóng đá sân 5,11 người</i>, Nxb TDTT. 2) Phạm Quang (2007), <i>Giáo trình Bóng đá</i>, Nxb TDTT, Hà Nội</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực; Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết; Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	
d	191034	Bóng rổ 2 (0,0,30)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tu thể chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, chiến thuật tấn công, chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); Phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tu thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, ĐHSP.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Ủy ban thể dục thể thao (2006), <i>Luật Bóng rổ</i>, NXB TDDT. 2) Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB ĐH Thái Nguyên.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>mặt, cao tay trước mặt; Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ; Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này; Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực; Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết; Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	
e	191035	Vovinam – Việt võ đạo 2 (0,0,30)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>          Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008), <i>Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) - tập 1</i>, NXB TDTT.  <b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hồ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; Phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chân thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp; Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực; Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này; Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện,</p>	<p>1) Nguyễn Chánh Tú (2014), <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i></p> <p>2) Nguyễn Chánh Tú (2014), <i>Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2</i>, NXB TDTT, HN.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực; Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết; Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	
VI	<b>Giáo dục quốc phòng an ninh</b>			
		<p>Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam 3 (37, 8, 0)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Đào Huy Hiệp, <i>Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), <i>Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam. 2) Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng (2014), <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng; Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>	
		<p>Công tác quốc phòng và an ninh 2 (22, 8, 0)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Đào Huy Hiệp, <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), <i>Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh</i>. 2) Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng (2014), <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb Giáo dục.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay; Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng; Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>	
		<p>Quân sự chung 2 ĐVHT (Lý thuyết: 14; Thực hành: 16)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>            Nguyễn Đức Đăng (2012), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2</i>, NXB giáo dục Việt Nam.  <b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>            1) BGD&amp;ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng (2005), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1</i>, Quân sự chung, (dùng cho đào tạo</p>



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>viên nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường; Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự; Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>giảng viên giáo dục quốc phòng). 2) Bộ quốc phòng (2015), <i>Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam</i>, NXB Quân đội nhân dân.</p>
		<p>Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật 4 ĐVHT (Lý thuyết: 04, Thực hành: 56)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn. <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường; Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Đức Đăng (2012), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2</i>, NXB giáo dục Việt Nam. <b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn (2012), <i>Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1</i>, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			học tập. Thuần thực và thành thạo tư thế, động tác nắm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK; Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	
<b>B</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC GDCN</b>			
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>			
19	151050	Kinh tế vi mô 3 (27, 36,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về kinh tế học, lý thuyết về cung - cầu, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất, cấu trúc thị trường, những thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học xong môn học người học có đủ năng lực thực hiện các công việc như: Phân tích cung cầu hàng hóa trên thị trường, phân tích được hành vi của người tiêu dùng, hành vi DN; có thể ra quyết định trong sản xuất kinh doanh sao cho tối đa hóa các mục tiêu.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có khả năng vận dụng các lý thuyết hành vi người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh.; Có khả năng phân tích các chỉ tiêu kinh tế (chi phí doanh thu lợi nhuận) trong phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Tự xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh cho phù</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung (2017), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô I</i>, NXB Tài Chính</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2018), <i>Giáo trình kinh tế học tập 1</i>, NXB ĐHKQTĐ. 2) Tôn Hoàng Thanh Huế, Đỗ Thị Mẫn (2020), <i>Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>hợp với ngành nghề và thị trường; Lập kế hoạch và điều phối, phát huy trí tuệ tập thể để tối đa hóa mục tiêu của các tác nhân kinh tế; Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	
20	151061	Kinh tế vĩ mô 3 (27, 36,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giới thiệu một số khái niệm cơ bản về kinh tế học vĩ mô bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô và vận dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái và chính sách thương mại vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được phương thức điều tiết kinh tế của chính phủ và các chính sách của nhà nước nhằm ổn định nền kinh tế. Đặc biệt đánh giá được nền kinh tế thông qua tổng sản phẩm quốc dân và tăng trưởng kinh tế; Sinh viên Tính toán các chỉ tiêu GDP,GNP trong một quốc gia từ đó có những đánh giá về sự thay đổi của quốc gia trong từng năm; Hiểu rõ khái niệm và xây dựng được mô hình tổng cầu trong nền KT giản đơn, nền kinh tế mở, nền kinh tế đóng có sự tham gia của</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>            Nguyễn Văn Dẫn, Đỗ Thị Thục (2018), <i>Giáo trình Kinh tế vĩ mô I</i>, NXB Tài Chính.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>            1) Vũ Kim Dũng và Nguyễn Văn Công (2017), <i>Giáo trình kinh tế học tập 2</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>chính phủ. Kỹ năng phân tích thực trạng biến động nền kinh tế và sự vận dụng chính sách tài khóa trong điều tiết nền kinh tế của Chính phủ; Sinh viên hiểu và giải thích được ngân hàng nhà nước làm thế nào để tạo ra tiền và các chính sách NHTW sử dụng trong bối cảnh từng thời kỳ nền kinh tế; Sinh viên hiểu và giải thích được thương mại quốc tế từ giai đoạn cổ điển đến nay. Những lợi ích mà thương mại quốc tế mang lại cho các quốc gia; chế độ quy đổi giữa đồng nội tệ và ngoại tệ; Sinh viên có kiến thức về tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp; mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp; Rèn luyện được tư duy khoa học trong phân tích vấn đề, hình thành phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	
21	151016	Nguyên lý thống kê 3 (27, 36,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê, hình thức thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán mức độ hiện tượng trong tương lai. Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội. Cung cấp dữ liệu cần thiết, làm cơ sở cho việc ra các</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Trần Thị Kim Thu (2016), <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Nguyễn Thị Kim Thuý (2009), <i>Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ</i>, Nhà xuất bản Thống kê. 2) Trần Thị Kim Thu (2014), <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô. Đây là các nội dung cơ bản mà người học cần phải nghiên cứu để vận dụng trong một số môn học khác và trong thực tế.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm được một số khái niệm cơ bản về thống kê học; các giai đoạn của một quá trình nghiên cứu thống kê; Phân biệt được các loại điều tra thống kê, điều kiện áp dụng của từng loại; cách thức phân tổ thống kê; công thức tính các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; và vận dụng các phương pháp phân tích số liệu thống kê vào thực tiễn; Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm: hình thành nhóm, vận hành, lãnh đạo nhóm. Đồng thời, có khả năng tư duy và làm việc độc lập; có khả năng hòa nhập và thích ứng với môi trường nghề nghiệp; và phát triển kỹ năng tính toán, tư duy lập kế hoạch và ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế; Xác định được mục tiêu, xây dựng và thực hiện điều tra thống kê về các hiện tượng kinh tế-xã hội; Xử lý thành thạo và hiệu quả các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích các hiện tượng kinh tế-xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội trong tương lai; đồng thời cung cấp các dữ liệu cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô; Sinh viên cần có thái độ nghiêm túc, cầu thị, tự tin sáng tạo khi tham gia học</p>	

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			tập đối với môn học, thực hiện đầy đủ các yêu cầu mà giảng viên đưa ra đối với môn học.	
22	153105	Nguyên lý kế toán 3 (27, 27,9)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kế toán, khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình tổ chức thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được những khái niệm cơ bản và có khả năng tổ chức lập và luân chuyển chứng từ kế toán tại đơn vị, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán; Có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình mua hàng; Có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình sản xuất; Có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình bán hàng; Có khả năng tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức hệ thống sổ kế toán tại đơn vị; Có khả năng lập báo cáo kế toán (bảng cân đối kế toán dạng đơn giản) phản ánh tổng quát tình hình tài chính của đơn vị; Rèn luyện được thói quen,</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Đoàn Xuân Tiên (2014), <i>Nguyên lý kế toán</i>, NXB Tài chính.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB Tài chính. 2) Võ Văn Nhị (2018), <i>Hệ thống bài tập trắc nghiệm Nguyên lý kế toán</i>, Nhà xuất bản Tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.	
23	152140	Tài chính - Tiền tệ 3 (27, 36,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản có tính hệ thống như lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; Lý luận cơ bản về tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính như: khâu tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình; Những vấn đề cơ bản về thị trường tài chính như thị trường chứng khoán, thị trường vốn, thị trường tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các định chế tài chính trung gian như các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính...</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhận thức và nắm vững kiến thức cơ bản về các nội dung tài chính, tiền tệ và ngân hàng. Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính, thị trường tài chính, các định chế tài chính trung gian; Có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để phân tích được những lợi ích và hạn chế của các loại tiền trong lưu thông, hiểu được các khâu tài chính cơ bản trong hệ thống tài chính; Hiểu rõ nội dung các khoản thu NSNN, đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước từ đó vận dụng khai thác triệt để các khoản thu NSNN; Có kỹ năng phân tích cơ bản những nội dung chủ yếu</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Văn Tiến (2011), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Thống kê.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Nguyễn Hữu Tài (2007), <i>Giáo trình lý thuyết tài chính - tiền tệ</i>, NXB ĐHKQTĐ. 2) Phạm Ngọc Dũng; Đinh Xuân Hạng (2014), <i>Giáo trình tài chính tiền tệ</i>, NXB Tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			trên các báo cáo tài chính doanh nghiệp; Hiểu được nguyên lý hoạt động của ngân hàng thương mại, từ đó có thể phân loại được vốn huy động, tín dụng của ngân hàng thương mại, vận dụng kiến thức để đánh giá việc thực thi chính sách tiền tệ trong thực tế; Vận dụng những kiến thức cơ bản trong môn học để hình thành các kỹ năng như phân tích báo cáo tài chính, phân tích các chỉ số tài chính trong báo cáo tài chính, phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu trong hệ thống tài chính.	
24	154025	Marketing căn bản 3 (27, 27, 9)	<i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về marketing. Tổng quan về các quan điểm marketing trong doanh nghiệp; khái niệm môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing trong doanh nghiệp; khái quát về phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng; Chiến lược và các chính sách marketing căn bản. Người học phân tích được các nhân tố thuộc môi trường marketing vi mô và vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động marketing của công ty; nghiên cứu được hành vi mua hàng của người tiêu dùng, phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu cho DN mình; lập kế	<b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Trần Minh Đạo (2022), <i>Giáo trình Marketing căn</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân – Hà Nội. <b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Nguyễn Văn Hùng (2013), <i>Marketing căn bản</i> , Nxb KT TPHCM. 2) Philip Kotler (2006), <i>Marketing căn bản</i> , Nxb Thống kê.



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>hoạch nghiên cứu marketing cho 1 sản phẩm cụ thể; xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, thiết lập kênh phân phối, xây dựng hoạt động truyền thông cho sản phẩm hoặc công ty.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được những khái niệm cơ bản và có hệ thống về marketing trong doanh nghiệp; Phân tích được môi trường kinh doanh; cách tiến hành phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thương hiệu. Hiểu ý nghĩa, mục tiêu, vai trò và nội dung của 4P trong marketing mix; giải thích được các chiến lược giá và phương pháp điều chỉnh giá, các quyết định khi xây dựng hệ thống phân phối, đặc điểm của các công cụ xúc tiến hỗn hợp; Có thể thực hiện các các kỹ năng tổ chức các hoạt động marketing trong doanh nghiệp, xây dựng các chiến lược marketing hỗn hợp áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp; Thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản trị nhóm, quản trị các hoạt động marketing của doanh nghiệp; Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	
25	197010	Luật kinh tế 2 (18, 24,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về Luật kinh tế. Học phần tập trung vào các nội</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>          Nguyễn Viết Tý ( 2018),  <i>Giáo trình Luật thương mại tập 1, tập 2</i>, NXB Công an nhân dân.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>dung chính như: khái niệm ngành luật kinh tế, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật kinh tế; chủ thể của luật kinh tế; lịch sử hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam; điều kiện, trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm, đặc điểm pháp lý, cơ cấu tổ chức, quản lý của từng loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; vấn đề tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; các hoạt động thương mại; quy định pháp luật về cạnh tranh; trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã...</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên trình bày, phân tích được các khái niệm, các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; kiến thức pháp luật về các loại hình chủ thể kinh doanh, các hoạt động thương mại trong nền kinh tế thị trường, luật cạnh tranh, luật phá sản; Vận dụng được kiến thức pháp lý về các hoạt động thương mại, chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Luật kinh tế; Có tư duy logic, rõ ràng, chính xác trong việc xem xét các yếu tố pháp lý trong lĩnh vực Luật kinh tế; Có thái độ tích cực, nghiêm túc, chủ động, sáng tạo trong học tập và làm việc.</p>	<p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p> <p>1) Ngô Huy Cương (2013), <i>Giáo trình Luật thương mại phần chung và thương nhân</i>, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
II	Kiến thức ngành			
26	154121	Quản trị doanh nghiệp 3 (27, 36)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về quản trị doanh nghiệp, Lịch sử quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp, thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; các chức năng quản trị doanh nghiệp như hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra; Các phương pháp quản trị kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Học phần cũng sẽ giúp người học phân loại được doanh nghiệp, thiết lập được mục tiêu, chiến lược và kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp nhỏ; Thu thập thông tin quản trị và ra quyết định cho các vấn đề trong doanh nghiệp; Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược hoạt động; Phân tích và quản trị kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Khởi nghiệp, điều hành và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu và phân tích ưu nhược điểm của các loại hình doanh nghiệp, cách thức thu thập thông tin, hoạch định chương trình và xây dựng bộ máy quản trị doanh nghiệp; Phân tích và so sánh được các phương pháp điều hành doanh nghiệp từ đó có thể lựa chọn và vận dụng vào trong thực tiễn công việc; Nắm vững các phương pháp kiểm tra, kiểm soát trong quản trị doanh nghiệp; Thành thạo các kỹ</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Ngô Kim Thanh (2013), <i>Giáo trình Quản trị doanh nghiệp</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Lê Quang Hiếu, Nguyễn Thị Loan (Đồng chủ biên) (2019), <i>Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2) Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyễn Thị Loan, Trịnh Thị Thu Huyền (Đồng chủ biên) (2022) Cẩm nang “<i>Hỗ trợ DNNVV tỉnh Thanh Hoá phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh sau đại dịch Covid -19</i>”; NXB Thanh Hoá.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			năng xử lý thông tin và ra quyết định; Kỹ năng hoạch định mục tiêu, kế hoạch, chiến lược; Kỹ năng kiểm soát; Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.	
27	152007	Quản trị tài chính DN 1 3 (27, 36,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Trang bị những kiến thức cơ bản và vận dụng vào công tác quản trị tài chính doanh nghiệp như: Tài chính doanh nghiệp và Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp; Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp – Phương pháp đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư; Báo cáo tài chính doanh nghiệp và các hệ số tài chính – Quản trị dòng tiền của doanh nghiệp - Kế hoạch tài chính doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kỹ năng phân tích quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp; Thành thạo trong việc xác định được lợi nhuận trong từng trường hợp cụ thể; Có kỹ năng phân tích chính sách cổ tức của công ty cổ phần; Có kỹ năng phân tích đánh giá các hệ số tài chính doanh nghiệp; Hình thành kỹ năng lập kế hoạch tài chính; Có ý thức, trách nhiệm trong công việc.</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2015), <i>Giáo trình Tài chính doanh nghiệp</i>, Nxb Tài chính.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2019), <i>Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB Kinh tế quốc dân. 2) Bùi Văn Vân (2009), <i>Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính.</p>
28	Chọn 1 trong 2 học phần			
28a	151090	Lý thuyết MH toán KT 3 (27, 36,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần đề cập tới các mô hình tối ưu ứng dụng trong phân tích hành vi của các tác</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Hoàng Đình Tuấn (2015), <i>Lý thuyết mô</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>nhân kinh tế. Trên cơ sở nguồn lực có giới hạn các tác nhân luôn muốn đạt mục tiêu tối đa, với công cụ toán học phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu nhất và phân tích tác động của một số yếu tố ngoại sinh tới hành vi; Những phương pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống trong quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ.... Phân tích mô hình và tìm lời giải cho vấn đề tối ưu của các nhà quản lý; Phân tích và dự báo mô hình cân đối liên ngành, một số các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. Với những kiến thức trên, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng, phân tích và dự báo các mô hình kinh tế. Từ đó kiến nghị những quyết định lựa chọn tối ưu nhất cho các tác nhân kinh tế.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nhớ và hiểu được được thể là mô hình toán kinh tế; các phương pháp phân tích mô hình; quy trình xây dựng và sử dụng mô hình toán kinh tế; các nội dung về mô hình tối ưu, cấu trúc của mô hình tối ưu; mô hình phân tích hành vi sản xuất; mô hình phân tích hành vi của hộ gia đình; cấu trúc bài toán QHTT và các dạng bài toán QHTT; cách thức chuyển đổi các dạng bài toán QHTT; phương pháp đơn hình giải bài toán</p>	<p><i>hình toán kinh tế</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p> <p>1) Nguyễn Quang Đông, Ngô Văn Thứ, Hoàng Đình Tuấn (2006), <i>Mô hình toán kinh tế</i>, Nxb Thống kê.</p> <p>2) Hoàng Đình Tuấn (2007), <i>Mô hình toán kinh tế</i>, Nxb ĐHKQTĐ.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>QHTT; bài toán đối ngẫu; bảng vào ra: Khái niệm, phân loại; Vận dụng các kiến thức để chuyển đổi các dạng bài toán quy hoạch tuyến tính; giải các bài toán đơn hình; tính toán các chỉ tiêu của bảng vào ra dạng hiện vật và dạng giá trị; Phân tích được các yếu tố tác động đến biến nội sinh trong mô hình; Xây dựng được mô hình của một số tình huống kinh tế (bài toán vận tải, lập kế hoạch sản xuất); xây dựng được bảng vào ra của một nền kinh tế đơn giản; Có khả năng phân tích và đánh giá một cách độc lập, cẩn thận; có phương pháp làm việc theo nhóm một cách hiệu quả, trung thực và chính xác. Có thái độ học hỏi, cởi mở và tôn trọng ý kiến của người khác. Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học. Có ý thức học tập và nghiên cứu các nội dung của học phần.</p>	
28b	151003	Kinh tế lượng 3 (27, 36)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng như ước lượng và kiểm định giả thiết, phân tích kết quả hồi quy trong các mô hình: hồi quy đơn, hồi quy bội, hồi quy với biến giả; Nghiên cứu các khuyết tật của mô hình hồi quy và cách khắc phục các khuyết tật của mô hình, bao gồm khuyết tật đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, dạng mô hình sai và sai số ngẫu nhiên không theo phân phối chuẩn.</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>  Nguyễn Quang Đông, Nguyễn Thị Minh (2012) <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i>, NXB KTQD.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>  1) Nguyễn Cao Văn (2018), <i>Lý thuyết xác suất và thống kê toán</i>, Nxb ĐHKQTĐ.  2) Nguyễn Văn Dần, Nguyễn Hồng Nhung (2017), <i>Giáo trình kinh tế vi mô I</i>, NXB Tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững các kiến thức về: Các khái niệm cơ bản trong kinh tế lượng như: Phương pháp luận của kinh tế lượng (các bước tiến hành); Số liệu dựng trong kinh tế lượng; Phân tích hồi quy; Mô hình hồi quy tổng thể; Hồi quy mẫu; bản chất hồi quy bội; Trình bày kết quả phân tích hồi quy, đọc được ý nghĩa của kết quả hồi quy; Ước lượng và kiểm định được các giả thiết của tham số hồi quy cũng như phương sai bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất. Phân tích được các mô hình kinh tế thực tế; Mô hình hồi quy với biến giải thích là biến giả trong đó có Hồi quy với một biến lượng và một biến chất; Hồi quy với một biến lượng và nhiều biến chất và So sánh hai hồi quy với nhau; Bản chất, nguyên nhân, hậu quả, cách phát hiện và khắc phục các hiện tượng Đa cộng tuyến, phương sai sai số thay đổi, tự tương quan, dạng hàm sai và biến ngẫu nhiên không phân bố chuẩn; Dựa trên những kiến thức đạt được, bước đầu sinh viên có kỹ năng diễn đạt sự hiểu biết về kinh tế lượng; vận dụng được kiến thức xây dựng hàm hồi quy, mô hình hồi quy; ước lượng và kiểm định giả thiết về hệ số hồi quy, về phương sai; Xây dựng được mô hình hồi quy, hàm hồi quy đơn và hồi quy bội; xây dựng được mô hình hồi quy có biến giả; phân tích các vấn đề về</p>	

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>hồi quy bội; phân tích được bản chất, nguyên nhân, hậu quả của đa cộng tuyến, phương sai sai số thay đổi, tự tương quan, các sai lầm chỉ định của mô hình; Có ý thức chủ động học tập và nghiên cứu môn học một cách chăm chỉ và nghiêm túc. Trung thực trong học tập, nghiên cứu và phân tích, đánh giá các vấn đề nghiên cứu. Có tinh thần thái độ tốt với giảng viên.</p>	
29	153085	Kế toán tài chính 1 4 (36,36,12)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khái niệm, nguyên tắc kế toán được thừa nhận trong kế toán doanh nghiệp, nội dung tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước. Kế toán các yếu tố sản xuất bao gồm kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán TSCĐ; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kiến thức cơ bản về luật kế toán, chuẩn mực kế toán, về tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp, nguyên tắc hạch toán kế toán trong doanh nghiệp; Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; Hiểu được tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; hiểu nguyên tắc hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền, kế toán các khoản phải thu, tạm ứng, ứng trước; kế toán vật tư;</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Lê Thị Hồng, Nguyễn Thị Thu Phương (2022), <i>Kế toán tài chính (Quyển 1)</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Lê Thị Hồng, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Diệp (2019), <i>Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính</i>, Nxb Tài chính. 2) Bộ tài chính (2015), <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính</i>, NXB Lao Động.</p>



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Vận dụng được và ghi chép được các nguyên tắc hạch toán kế toán các phần hành kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, tạm ứng, ứng trước; kế toán vật tư; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kỹ năng xử lý các tình huống nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kế toán doanh nghiệp; Kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học; Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu tài liệu và tự học.</p>	
30	153084	Kế toán quản trị 1 3 (27, 27,9)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giới thiệu vai trò nhiệm vụ kế toán quản trị; Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; Mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận; Phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững khái niệm và mục đích của kế toán quản trị, nội dung của kế toán quản trị doanh nghiệp. Xác định được đối tượng của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, phương pháp của kế toán quản trị; Có khả năng vận dụng các phương pháp kế toán quản trị vào việc cung cấp các thông tin</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng (2021), <i>Kế toán quản trị</i>, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Đặng Lan Anh, Phạm Thị Bích Thu, Lã Thị Thu, Trần Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Thanh (2019), <i>Hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí</i>, Nxb Tài chính 2) Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Nhung, Lê Thị Minh Trí (2019), <i>Kế toán quản trị chi phí</i>, NXB Tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>cần thiết cho các nhà quản trị trong quá trình ra các quyết định kinh doanh; Năm được các loại chi phí và giá thành trong doanh nghiệp. Tập hợp được chi phí và tính giá thành sản phẩm; lập báo cáo sản xuất. Nội dung, các chỉ tiêu, phương pháp lập và trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo dạng lãi trên biên phí, trình tự ra quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp; Vận dụng được các phương pháp của kế toán quản trị để giúp các nhà quản trị đưa ra các phương án kinh doanh tối ưu bằng những tình huống trong thực tiễn; Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.</p>	
31	153091	Kế toán tài chính 2 4 (36,36,12)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về: Kế toán kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm; Kế toán thành phẩm - tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh; Kế</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2013), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i>, Nxb Tài chính. <b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>toán các khoản đầu tư, kế toán nguồn vốn và lập báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; thuyết minh báo cáo tài chính); báo cáo tài chính tổng hợp; báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết thúc học phần, người học có khả năng phân loại, tập hợp các chi phí liên quan đến công tác tính giá thành sản phẩm, trang bị cho người học các phương pháp tính giá thành sản phẩm và việc vận dụng phương pháp tính giá thành giản đơn; hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nhập - xuất kho thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm; kế toán tăng giảm các khoản đầu tư, tăng - giảm nguồn vốn, kế toán dự phòng và lập các báo cáo tài chính theo quy định</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kiến thức cơ bản và nâng cao về nguyên tắc, khái niệm kế toán, các phương pháp tính giá thành phẩm; các nghiệp vụ kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh, kế toán nguồn vốn; kế toán các khoản đầu tư dài hạn, dự phòng và lập các báo cáo tài chính; Có kiến thức cơ bản để ghi chép, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ kế toán để tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh, kế toán nguồn vốn; kế toán các khoản đầu tư dài hạn, dự</p>	<p>1) Lê Thị Hồng, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Diệp (2019), Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính, Nxb Tài chính.</p> <p>2) Bộ tài chính (2015), <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, NXB Lao Động.</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>phòng và lập các báo cáo tài chính; Có kiến thức chuyên môn để đọc hiểu và lập báo cáo tài chính; Kỹ năng xử lý các tình huống nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh, kế toán nguồn vốn; kế toán các khoản đầu tư dài hạn, dự phòng và lập các báo cáo tài chính; Kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học; Tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học. Chủ động trong lập kế hoạch học tập và độc lập nghiên cứu các vấn đề liên quan đến môn học.</p>	
32	153025	Kiểm toán căn bản 3 (27,27,9)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về kiểm toán, bao gồm: Bản chất, đối tượng, các nguyên tắc và các khái niệm cơ bản về kiểm toán được thừa nhận như: báo cáo kiểm toán, gian lận, sai sót, trọng yếu, rủi ro, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ. Đồng thời, học phần còn chỉ ra các phương pháp khoa học của kiểm toán và hướng dẫn quy trình khi thực hiện cuộc kiểm toán tại đơn vị.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có thể khái quát được bản chất, đối tượng, các nguyên tắc và các khái niệm</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Việt Lợi, Đậu Ngọc Châu (2009), <i>Giáo trình Lý thuyết kiểm toán</i>, NXB Tài chính.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p> <p>1) Nguyễn Quang Quỳnh; Nguyễn Thị Phương Hoa (2018), <i>Giáo trình Lý thuyết Kiểm toán</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p> <p>2) Thịnh Văn Vinh, Vũ Thùy Linh (2016), <i>Hệ thống câu hỏi và nội dung ôn tập kiểm toán căn bản</i>, NXB Tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p> cơ bản về kiểm toán được thừa nhận như: báo cáo kiểm toán, gian lận, sai sót, trọng yếu, rủi ro, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ, các phương pháp khoa học của kiểm toán và hướng dẫn quy trình khi thực hiện cuộc kiểm toán tại đơn vị; Có thể mô tả được các giai đoạn của quy trình kiểm toán cũng như công việc của kiểm toán viên phải thực hiện ở từng giai đoạn của quy trình; có khả năng tự tìm kiếm tài liệu, tự nghiên cứu và trình bày các nội dung liên quan đến kiểm toán; Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến kiểm toán; có khả năng giao tiếp để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến kiểm toán; Mô tả công tác kiểm toán trong các tổ chức ở mức độ cơ bản.</p>	
33	153024	Kiểm toán tài chính 1 2 (18, 24,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về đối tượng, phương pháp, nội dung kiểm toán tài chính trong các doanh nghiệp; mục tiêu và căn cứ kiểm toán, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệp vụ cụ thể trong đơn vị, bao gồm : chu kỳ bán hàng và thu tiền, chu kỳ mua hàng và thanh toán, chu kỳ TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn, chu kỳ tiền lương nhân sự.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững những kiến</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Quang Quỳnh, Ngô Trí Tuệ (2012), <i>Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Nguyễn Thị Phương Hoa (2013), <i>Bài tập kiểm toán tài chính</i>, NXB ĐH KTQD. 2) Đậu Ngọc Châu, Ngô Việt Lợi (2009), <i>Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính</i>, NXB tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>thức cơ bản về đối tượng, phương pháp, nội dung của kiểm toán tài chính trong các doanh nghiệp; mục tiêu và căn cứ kiểm toán, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệp vụ cụ thể trong đơn vị; Nắm vững những kỹ năng cơ bản về thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính đó là nắm vững về các bước công việc kiểm soát nội bộ liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ trong doanh nghiệp, có thể tiến hành các khảo sát về hoạt động kiểm soát nội bộ. Đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các thông tin liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ, mức độ ảnh hưởng của từng thông tin đến các khoản mục trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp; Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu tài liệu và tự học.</p>	
34	153067	Kiểm toán nội bộ 2 (18,18,6)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức chung về kiểm toán nội bộ như: Khái niệm, đối tượng, vai trò, mục đích, nội dung, phạm vi, phương pháp, quy trình và ý nghĩa của kiểm toán nội bộ. Quy trình, phương pháp và chuẩn mực kiểm toán nội bộ cũng như những vấn đề chung về kiểm toán viên nội bộ. Đồng thời, học phần còn cung cấp các nội dung kiểm toán cơ bản do kiểm</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Thịnh Văn Vinh và Phạm Tiến Hưng (2012), <i>Giáo trình Kiểm toán nội bộ</i>, NXB Tài chính, Hà Nội.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Phan Trung Kiên (2015), <i>Kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính, Hà Nội. 2) Khoa Kế toán - Kiểm toán, ĐH Kinh tế TP HCM, Bộ môn Kế</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>toán nội bộ thực hiện bao gồm kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về kiểm toán nội bộ để tổ chức, thực hiện các hoạt động kiểm toán; có khả năng lập và phân tích báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm. Có khả năng xác nhận, đánh giá và tư vấn nhằm cải thiện hoạt động và gia tăng giá trị cho doanh nghiệp, tổ chức trên các khía cạnh quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và quản trị doanh nghiệp; Có khả năng làm việc nhóm để đạt được các mục tiêu của hoạt động kiểm toán nội bộ; Người học tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động quản lý kinh tế; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh với khách hàng; Người học có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng; Người học có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu và học tập để nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn phù hợp nhiệm vụ công</p>	<p>toán - Kiểm toán (2014), <i>Kiểm toán</i>, Nhà xuất bản Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
35	153026	Kiểm toán tài chính 2 3 (27, 36, 0)	<p>việc.</p> <p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Kiểm toán báo cáo tài chính, đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học kiểm toán báo cáo tài chính. Mục tiêu và căn cứ tiến hành hoạt động kiểm toán, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệp vụ cụ thể trong đơn vị từ chu kỳ hàng tồn kho, chi phí và giá thành, chu kỳ tiền, các khoản chi phí và doanh thu tài chính, chi phí và thu nhập khác chu kỳ vốn vay và các chu kỳ kiểm toán khác.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp, nội dung của kiểm toán tài chính trong các doanh nghiệp; mục tiêu và căn cứ kiểm toán, các khảo sát về kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm cơ bản đối với từng chu kỳ nghiệp vụ cụ thể trong đơn vị; Nắm vững những kỹ năng cơ bản về thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính đó là nắm vững về các bước công việc kiểm soát nội bộ liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ trong doanh nghiệp, có thể tiến hành các khảo sát về hoạt động kiểm soát nội bộ. Đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các thông tin liên quan đến từng chu kỳ nghiệp vụ, mức độ ảnh hưởng của từng thông tin đến các khoản mục trên báo</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Quang Quỳnh, Ngô Trí Tuệ (2012), <i>Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Nguyễn Thị Phương Hoa (2013), <i>Bài tập kiểm toán tài chính</i>, NXB ĐH KTQD. 2) Đậu Ngọc Châu, Ngô Việt Lợi (2009), <i>Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính</i>, NXB tài chính.</p>



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			cáo tài chính của doanh nghiệp; Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và cố ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu tài liệu và tự học.	
36	153066	Thực hành nghề nghiệp	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần học phần giúp cho sinh viên tiếp cận môi trường thực tế kiểm toán tại các đơn vị, qua đó có điều kiện vận dụng giữa lý thuyết kiểm toán với thực tiễn công tác kiểm toán tại đơn vị bao gồm các nội dung như tổ chức công tác kiểm toán, kiểm toán các chu trình, từ đó phát triển và hình thành kỹ năng nghề nghiệp kiểm toán cho người học.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kiến thức thực tiễn về công tác kiểm toán trong các đơn vị, tổ chức ghi sổ các phần hành kiểm toán tại đơn vị cũng như việc lập báo cáo tài chính; Người học vận dụng các kiến thức đã học về kiểm toán để thực hiện lập kế hoạch kiểm toán, tổ chức thực hiện kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán tại các đơn vị; Người học có kỹ năng xử lý các tình huống nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kiểm toán; Kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp trong quá trình thực tế tại đơn vị, có khả năng nghiên cứu môn học độc lập; Có thói quen, phong cách làm việc khoa</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>  Nguyễn Quang Quỳnh; Ngô Trí Tuệ (2012); <i>Giáo trình Kiểm toán tài chính</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>  1) Sách tham khảo Hệ thống các Quy định Kế toán và Kiểm toán Việt Nam, 2009 – <i>Hội nhập với các nguyên tắc kế toán và kiểm toán quốc tế</i>. NXB chính trị quốc gia.  2) Khoa Kế toán - Kiểm toán, ĐH Kinh tế TP HCM, Bộ môn Kế toán - Kiểm toán (2014), <i>Kiểm toán</i>, Nhà xuất bản Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch thực hành, thực tế.	
37	<b>Chọn 1 trong 2 học phần</b>			
37a	153047	Kế toán HC sự nghiệp 3 (27, 27,9)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp theo các phần hành kế toán từ kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu sự nghiệp, chi sự nghiệp, xác định kết quả, kế toán thanh toán, kế toán nguồn kinh phí và phương pháp lập báo cáo tài chính trong các đơn vị HCSN. Người học có khả năng vận dụng và thực hành các phương pháp kế toán như: Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối kế toán để ghi chép phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các phần hành kế toán tại các đơn vị HCSN; Người học có đủ khả năng tổng hợp số liệu để lập các báo cáo tài chính tại các đơn vị HCSN.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững đối tượng, phạm vi, vai trò của kế toán trong các đơn vị HCSN; nắm vững nội dung, phương pháp kế toán, trình tự hạch các phần hành kế toán trong các đơn vị HCSN; Người học có khả năng vận dụng các phương pháp kế toán vào tổ chức kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b></p> <p>1) Võ Văn Nhị và cộng sự (2018), <i>Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính</i>, NXB Tài chính.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p> <p>1) Phạm Văn Liên (2009), <i>Kế toán hành chính sự nghiệp</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2) Bộ tài chính (2017), <i>Chế độ kế toán HCSN ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ tài chính</i>, NXB Tài chính</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>khoản thu sự nghiệp, chi sự nghiệp, xác định kết quả, kế toán thanh toán, kế toán nguồn kinh phí và phương pháp lập báo cáo tài chính trong các đơn vị HCSN; Người học nắm được nội dung, các chỉ tiêu, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính, BC quyết toán trong các đơn vị HCSN; Vận dụng được lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách trong các đơn vị HCSN; Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.</p>	
37b	155005	<p>Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc Nhà nước 3 (27, 36)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giúp sinh viên hiểu về hệ thống ngân sách nhà nước, nguyên tắc hạch toán kế toán và các hoạt động nghiệp vụ của kho bạc nhà nước như kế toán vốn bằng tiền</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu và diễn giải được các vấn đề cơ bản về kế toán ngân sách và có khả năng tổ chức lập và luân</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Phạm Văn Liên, Phạm Văn Đăng và cộng sự, 2012, <i>Giáo trình kế toán Ngân sách Nhà nước và nghiệp vụ kho bạc Nhà nước</i>, NXB Tài chính.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Bộ Tài chính, 2021, <i>Hướng dẫn chế độ kế toán kế toán NSNN và</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			chuyển chứng từ kế toán tại đơn vị, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán; Thực hành tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán vốn bằng tiền và thanh toán không dùng tiền mặt; Thực hành tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán ngân sách nhà nước; Thực hành tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán vay nợ, nhận viện trợ của Nhà nước qua KBNN; tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN; Thực hành lập được báo cáo tài chính; Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.	<i>hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước</i> , NXB Tài chính.
38	<b>Chọn 1 trong 2 học phần</b>			
38a	153048	Kế toán thuế	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại thuế trong doanh nghiệp như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp. Hướng dẫn phương pháp tính các loại thuế, phục vụ cho việc hạch toán các loại thuế cũng như quyết toán và kê khai thuế.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết về kế toán thuế; có khả năng phân loại thuế; kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về Thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Phú Giang, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng (2016), <i>Kế toán thuế</i>, NXB tài chính.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Bộ Tài chính (2015), <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính</i>, NXB Lao Động. 2) Nghiêm Văn Lợi (2008), <i>Giáo trình Kế</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>xuất nhập khẩu, thuế TNDN, các loại thuế khác; có khả năng vận dụng hạch toán thuế GTGT, vận dụng kê khai thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế xuất nhập khẩu, thuế TNDN, các loại thuế khác; nắm được nội dung, các chỉ tiêu, phương pháp lập và trình bày tờ khai thuế XNK, thuế TNDN, tờ khai các loại thuế Thu nhập cá nhân; Thuế tài nguyên; Thuế nhà đất; Thuế môn bài; Thuế, phí, lệ phí trước bạ, báo cáo thuế GTGT; Vận dụng được lập và trình bày báo cáo thuế; có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.</p>	<p><i>toán Thuế</i>, Nhà xuất bản Tài chính.</p>
38b	153093	Kế toán quản trị 2 3 (27,36,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giới thiệu về định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp; Lập dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí sản xuất kinh doanh; Phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ và lập báo cáo bộ phận. <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững khái niệm</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng (2021), <i>Kế toán quản trị</i>, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân. <b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Nhung, Lê Thị Minh Trí (2019), <i>Kế</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>và mục đích của kế toán quản trị, nội dung của kế toán quản trị doanh nghiệp. Xác định được đối tượng của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, phương pháp của kế toán quản trị; Người học có khả năng vận dụng các phương pháp kế toán quản trị vào việc cung cấp các thông tin cần thiết cho các nhà quản trị trong quá trình ra các quyết định kinh doanh; Người học nắm được các loại chi phí và giá thành trong doanh nghiệp. Tập hợp được chi phí và tính giá thành sản phẩm; lập báo cáo sản xuất. Nội dung, các chỉ tiêu, phương pháp lập và trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo dạng lãi trên biên phí, trình tự ra quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp; Vận dụng được các phương pháp của kế toán quản trị để giúp các nhà quản trị đưa ra các phương án kinh doanh tối ưu bằng những tình huống trong thực tiễn; Có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo</p>	<p><i>toán quản trị chi phí</i>, NXB Tài chính.  2) Trần Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hồng Diệp (2016), <i>Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất</i>, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			đức nghề nghiệp tốt.	
39	Chọn 1 trong 2 học phần			
39a	153056	Kế toán ngân sách xã 3 (27, 27,9)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp nội dung tổ chức công tác kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn theo các phần hành kế toán từ kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư tài sản, kế toán các khoản thu ngân sách xã, chi ngân sách xã, kế toán thanh toán, các quỹ công chuyên dùng của xã phục vụ cho việc lập báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững đối tượng, phạm vi, vai trò của kế toán ngân sách xã; nắm vững nội dung, phương pháp kế toán, trình tự hạch các phần hành kế toán ngân sách xã; Người học có khả năng vận dụng các phương pháp kế toán vào tổ chức kế toán tiền, vật tư, TSCĐ tại xã; kế toán thanh toán, nguồn kinh phí và quỹ tài chính ngoài ngân sách tại xã; kế toán thu chi ngân sách, thu chi sự nghiệp tại xã; Người học nắm được nội dung, các chỉ tiêu, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính, BC quyết toán; Vận dụng được lập và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách xã; Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>            Lê Thị Minh Huệ, Phạm Thị Bích Thu, Nguyễn Thị Nhung (2023), <i>Giáo trình kế toán NSX</i>, NXB Đại học KTQD.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>            1) Tăng Bình - Ái Phương (2019), <i>Hướng dẫn chế độ kế toán Ngân sách và tài chính xã</i>, NXB Hồng Đức.            2) Hữu Đại-Hữu Thắng (2017), <i>Nghiệp vụ kế toán xã, phường, thị trấn</i>, NXB Tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>vụ được giao; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.</p>	
39b	153135	<p>Tổ chức công tác kế toán 3 (27,27,9)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Tổ chức công tác kế toán từ việc thu nhận, kiểm tra, hệ thống hóa, xử lý thông tin kế toán, nhằm cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng và Tổ chức bộ máy kế toán.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững đối tượng, phạm vi, vai trò của tổ chức công tác kế toán; nắm được nội dung tổ chức thu nhận và kiểm tra thông tin kế toán, tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán, tổ chức cung cấp thông tin kế toán, tổ chức bộ máy kế toán; Người học có khả năng vận dụng các phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá, vận dụng chế độ sổ kế toán để hệ thống hóa thông tin kế toán; Người học nắm được nội dung, các chỉ tiêu, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính; Vận dụng được lập và trình bày báo cáo tài chính; Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>  Luu Đức Tuyên, Ngô Thị Thu Hồng (2011), <i>Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>  1) Hồ Mỹ Hạnh (2011), <i>Tổ chức hạch toán kế toán doanh nghiệp</i>, NXB Thống kê.  2) Bộ tài chính (2015), <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính</i>, NXB Lao Động.</p>



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.	
<b>40</b>	<b>Chọn 1 trong 2 học phần</b>			
40a	153012	Kiểm toán hoạt động 3 (27, 36)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm toán hoạt động trong doanh nghiệp như: Khái niệm, đặc điểm, mục tiêu của kiểm toán hoạt động, chuẩn mực và tiêu chuẩn trong kiểm toán hoạt động, tổ chức kiểm toán hoạt động. Giúp người học đủ khả năng xem xét toàn bộ quy trình kiểm toán hoạt động tại đơn vị, đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu các học phần kiểm toán đặc thù khác.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu được các kiến thức về tổ chức công tác kiểm toán trong đơn vị, các chuẩn mực kiểm toán, quy trình cơ bản của một cuộc kiểm toán hoạt động; Vận dụng các kiến thức về kiểm toán nhằm đánh giá và lượng hóa rủi ro, lập kế hoạch kiểm toán, tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các bằng chứng kiểm toán, đưa ra các nhận định hoặc kết luận kiểm toán hoạt động của bộ phận, đơn vị, tổ chức được kiểm toán; Vận dụng kiến thức về kiểm</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Quang Quỳnh (2013), <i>Giáo trình Kiểm toán hoạt động</i>, NXB Đại học KTQD.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Nguyễn Thị Phương Hoa (2011), <i>Sách bài tập Kiểm toán hoạt động</i>, NXB ĐHKQTĐ. 2) Thịnh Văn Vinh, Phạm Tiến Hưng (2012), <i>Kiểm toán nội bộ</i>, NXB Tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>toán xây dựng được các tiêu chí để đánh giá hoạt động được kiểm toán; Xây dựng được quy trình kiểm toán hoạt động trong các đơn vị; của đơn vị, tổ chức được kiểm toán; Lập Báo cáo kiểm toán dạng phù hợp với kết quả và bằng chứng thu thập, đánh giá được; Có kỹ năng lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành các bài tập, các nội dung thảo luận, các bài kiểm tra theo yêu cầu. Hiểu, rà soát được các căn cứ, cơ sở số liệu các báo cáo kế toán tài chính, kế toán quản trị của đơn vị, tổ chức được kiểm toán; Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán. Có năng lực tự lập, sáng tạo và dẫn dắt về chuyên môn, phát huy được trí tuệ tập thể. Có phẩm chất đạo đức tốt; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc</p>	
40b	153013	Kiểm toán tuân thủ 3 (27, 36)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm toán như: Khái niệm, đối tượng, mục đích, nội dung, phạm vi và ý nghĩa của hoạt động kiểm toán tuân thủ. Cung cấp các kiến thức về lập quy trình kiểm toán tuân thủ cũng như các chuẩn mực kiểm toán tuân thủ mà KTV cần áp dụng khi tiến hành kiểm toán. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ rõ các mục tiêu, các tiêu chuẩn và kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán tuân thủ</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Vũ Thị Phương Liên, Đậu Ngọc Châu (2016), <i>Giáo trình Kiểm toán tuân thủ</i>, Nhà xuất bản thống kê.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Thịnh Văn Vinh &amp; Phạm Tiến Hưng (2012), <i>Kiểm toán nội bộ</i>, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội. 2) Khoa Kế toán - Kiểm toán, ĐH Kinh tế TP HCM, Bộ môn Kế</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cũng như kiểm toán hoạt động các hoạt động và các doanh nghiệp đặc thù.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết về kế toán, kiểm toán trong các loại hình đơn vị; Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết về kế toán, kiểm toán trong các loại hình đơn vị; Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện về quy trình kiểm toán tuân thủ, các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán. Có khả năng vận dụng và thực hành để xây dựng quy trình kiểm toán tuân thủ cho từng loại hình đơn vị và các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán sẽ sử dụng khi thực hiện kiểm toán cho từng loại hình đơn vị; Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện về kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính tại các loại hình đơn vị đặc thù như: doanh nghiệp sản xuất; đơn vị HCSN; trong đơn vị sử dụng và quyết toán vốn đầu tư XDCB; trong các ngân hàng thương mại; trong các doanh nghiệp bảo hiểm; Có khả năng vận dụng và thực hành các bước cơ bản của kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán BCTC tại các loại hình đơn vị đặc thù; Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện về kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán của các</p>	<p>toán - Kiểm toán (2014), <i>Kiểm toán</i>. Nhà xuất bản Kinh tế TP HCM.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			hoạt động ở đơn vị sản xuất kinh doanh điển hình. Có khả năng vận dụng và thực hành các bước cơ bản khi kiểm toán tuân thủ trong kiểm toán hoạt động ở đơn vị sản xuất đặc biệt ở các khâu: quản lý và sử dụng nhân lực, hoạt động cung ứng, hoạt động sản xuất, hoạt động marketing.	
<b>III</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>			
<b>41</b>	<b>Chọn 1 trong 3 học phần</b>			
a	152101	Thuế 3 (27, 36)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần được thiết kế gồm 6 nội dung bao gồm những vấn đề cơ bản về thuế; 5 luật thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay như : Luật thuế giá trị gia tăng; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật thuế thu nhập cá nhân. Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và kỹ năng về phương pháp tính thuế và cách kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế ở các cơ sở kinh doanh và đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững được các quy định về các sắc thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN để xử lý các tình huống về thuế diễn ra trong thực tiễn; Thành thạo trong việc tính, kê khai, nộp quyết toán các loại thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN ở các đơn vị và doanh nghiệp; Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc.</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>          Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Bất (2016), <i>Chính sách và nghiệp vụ Thuế</i>, NXB Lao động.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>          1) Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Hiệu (2014), <i>Thuế</i>, Nxb Tài chính.          2) Lê Hoàng Bá Huyền (2016), <i>Câu hỏi và bài tập thuế</i>, Nxb Lao động.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
b	153125	Thị trường chứng khoán 3 (27, 36)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết và kỹ năng về chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán như: Khái niệm, chức năng của thị trường chứng khoán, cơ cấu, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán, cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và các giao dịch chứng khoán trên thị trường sơ cấp, thứ cấp; Phân tích và đầu tư chứng khoán.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hình thành kỹ năng phân tích tính chất các loại trái phiếu, cổ phiếu từ đó có thể vận dụng vào thực tế để phân tích trái phiếu và cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; Phân tích, tư vấn cho khách hàng lựa chọn đầu tư các loại chứng khoán như: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh; Có kỹ năng làm việc theo nhóm để phân biệt các chứng khoán cũng như cách thức giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán; Có kỹ năng thực hành tính toán trong việc xác định giá và khối lượng giao dịch trong khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục ở thị trường chứng khoán; Có kỹ năng, năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, vận dụng kiến thức một cách linh hoạt và sáng tạo để giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc.</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>  Lê Hoàng Nga (2020), <i>Thị trường chứng khoán</i>, Nxb Tài chính.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>  1) Bạch Đức Hiền (2008), <i>Giáo trình Thị trường chứng khoán</i>, Nxb Tài chính.  2) Hoàng Văn Quỳnh (2008), <i>Câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán</i>, Nxb tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
c	152100	Tài chính công 3 (27, 36)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần gồm kiến thức chung về tài chính công và quản lý tài chính công như khái niệm, phân loại tài chính công; khái niệm, mục tiêu, nội dung của quản lý tài chính công; Bộ máy quản lý tài chính công và các kiến thức nghiệp vụ về quản lý tài chính công giải quyết những vấn đề nghiệp vụ về quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN và đánh giá quản lý tài chính công như nguyên tắc quản lý NSNN, phân cấp quản lý NSNN, qui trình quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững được các quy định về tài chính công, quản lý tài chính công, quản lý thu chi NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN để xử lý các tình huống về tài chính công diễn ra trong thực tiễn; Thành thạo trong việc lập dự toán ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, áp dụng hệ thống mục lục ngân sách nhà nước vào xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, lập các báo cáo quyết toán ngân sách ở các đơn vị sử dụng NSNN; Nắm vững nội dung quản lý tài chính công để người học có khả năng thực hiện công việc quản lý tài chính công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc.</p>	<p><b>Giáo trình/Tài liệu bắt buộc</b>            Dương Đăng Chinh, Phạm Văn Khoan (2009), <i>Giáo trình quản lý tài chính công</i>, NXB Tài chính.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>            1) Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài (2009), <i>Tài chính công và phân tích chính sách thuế</i>, Nxb Lao động xã hội.            2) Trương Huỳnh Thắng (2016), <i>Tìm hiểu luật Ngân sách Nhà nước</i>, Chính trị quốc gia.</p>
42	<b>Chọn 1 trong 2 học</b>			

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
42a	152122	Phân tích HĐKD 4 (36, 48,0)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cung cấp các nội dung phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Phân tích kết quả sản xuất; Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững đối tượng, nội dung, phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh; nắm vững kiến thức về chỉ tiêu phân tích, phương pháp sử dụng để phân tích kết quả sản xuất, phân tích tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào, phân tích chi phí SXKD và giá thành sản phẩm, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; có khả năng vận dụng các phương pháp phân tích vào phân tích phân tích kết quả sản xuất; phân tích tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào; phân tích chi phí SXKD và giá thành sản phẩm; phân tích tình hình tài chính; có khả năng phân tích được nguyên nhân sự biến động của các chỉ tiêu, nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động, từ đó có khả năng tổng hợp, đánh giá thông tin nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách khoa học; có năng lực</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b>            Nguyễn Văn Công (2013), <i>Giáo trình phân tích kinh doanh</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>            1) Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2007), <i>Phân tích hoạt động kinh doanh</i>, NXB Lao động - Xã hội.            2) Nguyễn Ngọc Quang (2011), <i>Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>phân tích tổng hợp, đánh giá và đề xuất được các phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn trong đơn vị; có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.</p>	
42b		<p>Phân tích dữ liệu trong kế toán 4 (36, 48)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về dữ liệu kế toán, cơ sở, cách thức thu thập dữ liệu kế toán; phương pháp lưu trữ, sử dụng, trực quan hóa các dữ liệu kế toán. Học phần cung cấp cách thức, phương pháp phân tích dữ liệu kế toán, kiểm toán, thuế phục vụ cho nhà quản trị doanh nghiệp trong việc ra quyết định. <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu và diễn giải các loại dữ liệu, cách thức thu thập từng loại dữ liệu kế toán; Thực hành trích xuất, chuyên đổi, tải, lưu trữ dữ liệu và thực hành xử lý dữ liệu với Excel; Vận dụng để lựa chọn kỹ thuật phân tích và xử lý kết quả phân tích dữ liệu kế toán trong báo</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Trần Thị Bích, Phạm Thị Mai Anh (2022), <i>Giáo trình phân tích dữ liệu</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân <b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Bộ Tài chính (2014) <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC</i> 2) Quốc hội (2015), <i>Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015</i></p>



TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>cáo tài chính, kế toán, kiểm toán và thuế; Thực hành minh họa dữ liệu trực quan bằng sơ đồ, hình ảnh, báo cáo kết quả phân tích với Excel và Tableau; Phân tích được dữ liệu kế toán, kiểm toán, thuế và tư vấn cho nhà quản trị trong việc ra quyết định; Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	
<b>IV</b>	<b>Thực tập/KLTN/HP thay thế</b>			
44	153130	Thực tập tốt nghiệp 5 (0,0, 150)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Người học vận dụng kiến thức nghề nghiệp bao gồm các kiến thức chung về kinh tế và các kiến thức về kế toán đã học vào thực tiễn các hoạt động quản lý chung và công tác kế toán tại đơn vị thực tập. Thực hiện vận dụng các kiến thức về kế toán để xử lý nghiệp vụ kế toán, phân tích tình hình kinh tế, tài chính tại đơn vị thực tập. Người học có thể hiểu và thực hành được các nội dung tổ chức công tác kế toán, thực hành các phân hành kế toán tại đơn vị kế toán cơ sở từ khâu lập chứng từ, ghi sổ, và lập báo cáo kế toán. Đưa ra được những quan điểm về thực trạng kế toán để có các giải pháp cải thiện các tồn tại trong công tác kế toán tại đơn vị thực tập.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng vào giải thích, phân tích và xử lý tình huống thực tế về công tác kế toán tại một doanh nghiệp, tổ chức; Có khả năng thực hiện</p>	<p><b>Giáo trình/ Bộ giáo trình bắt buộc</b>  Nguyễn Quang Quynh, Ngô Trí Tuệ (2012), <i>Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b>  1) Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu  2) Tham khảo các tài liệu về kế toán trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức:  <a href="http://thuvien.hdu.edu.vn/opac">http://thuvien.hdu.edu.vn/opac</a></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>việc lập chứng từ, ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; Lập và đọc các báo cáo kế toán theo các tình huống tại đơn vị; Có năng lực nghiên cứu độc lập, có kỹ năng trong giao tiếp làm việc tập thể để tiến hành thu nhận các thông tin tổng hợp và hoàn thành báo cáo thực tập đạt yêu cầu trở lên; Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch thực tập, nghiên cứu tài liệu và tự học.</p>	
	153099	<p>Khoá luận tốt nghiệp 6 (0, 180, 0)</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Người học vận dụng kiến thức nghề nghiệp bao gồm các kiến thức chung về kinh tế và các kiến thức về kế toán đã học vào thực tiễn các hoạt động quản lý chung và công tác kế toán tại các đơn vị thực tế. Thực hiện vận dụng các kiến thức về kế toán để xử lý nghiệp vụ kế toán, phân tích tình hình kinh tế, tài chính tại đơn vị thực tế. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề chuyên sâu trong doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững kiến thức kế toán – tài chính để vận dụng thực hiện các công việc trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp; Có khả năng vận dụng để thực hành công tác kế toán-tài chính tại đơn vị; Có khả năng phân tích được các tình huống, giải quyết tình huống liên quan đến công tác kế toán – tài chính của đơn vị; Có năng lực phân tích tổng hợp, đánh giá và đề xuất được các</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Quang Quỳnh, Ngô Trí Tuệ (2012), <i>Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p> <p>1) Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu. 2) Tham khảo các tài liệu về kế toán trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức: <a href="http://thuvien.hdu.edu.vn/opac">http://thuvien.hdu.edu.vn/opac</a></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn trong đơn vị; Có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.</p>	
	<b>Học phần thay thế KLTN</b>			
44	155020	Lập và phân tích BCTC 3 (27,27,9)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập và phân tích BCTC, bao gồm: Khái niệm, mục đích, đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên BCTC, hệ thống BCTC hiện hành và phương pháp lập BCTC và phương pháp phân tích BCTC. Từ đó, sinh viên có thể thực hiện được việc lập BCTC, nắm được cách thức phân tích BCTC trong doanh nghiệp. Giúp người học vận dụng được các phương pháp phân tích và cung cấp những thông tin thích hợp phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về lập và phân</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Nguyễn Văn Công (2019), <i>Phân tích BCTC</i>, NXB Giáo dục.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b> 1) Nguyễn Năng Phúc (2011), <i>Giáo trình phân tích báo cáo tài chính</i>, NXB ĐHKQTĐ. 2) Trần Mạnh Dũng, Phạm Đức Cường, Đinh Thế Hùng (2017), <i>Giáo trình Lập, đọc, phân tích và kiểm tra BCTC</i>, NXB Tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>tích BCTC, bao gồm: Khái niệm, mục đích, đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên BCTC, hệ thống BCTC hiện hành, yêu cầu đối với thông tin trình bày trên BCTC, phương pháp lập và phân tích BCTC; Nắm vững và vận dụng được nguyên tắc lập và trình bày các loại BCTC trong doanh nghiệp như Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính; Vận dụng lập và trình bày các loại báo cáo tài chính trong doanh nghiệp một cách thành thạo như: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính; Phân tích được các thông tin trên các báo cáo tài chính và đưa ra được các ý kiến tư vấn, đánh giá phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động của doanh nghiệp; Có kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải; Kỹ năng làm việc theo nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.</p>	
45	153034	Thực hành kiểm toán 3 (27,27,9)	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng</p>	<p><b>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc</b> Phan Trung Kiên (2011),</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
			<p>cần thiết trong nghề kiểm toán từ việc lập kế hoạch kiểm toán, cách thức thực hiện các phân hành trên hồ sơ kiểm toán đến lập báo cáo kiểm toán.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng các kiến thức về kiểm toán BCTC để hiểu về hồ sơ, thủ tục, công việc kiểm toán cần thực hiện trong kiểm toán báo cáo tài chính đối với các khoản mục và chu trình; Thành thạo công việc liên quan đến hồ sơ, thủ tục, công việc kiểm toán cần thực hiện trong kiểm toán báo cáo tài chính đối với các khoản mục và chu trình; Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kiểm toán BCTC; Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để thực hiện công tác kiểm toán BCTC.</p>	<p><i>Kiểm toán – Lý thuyết và thực hành</i>, NXB Tài chính.</p> <p><b>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</b></p> <p>1) Quốc hội (2020), <i>Luật kiểm toán nhà nước Sửa đổi bổ sung năm 2019</i>, NXB Chính trị quốc gia sự thật.</p>

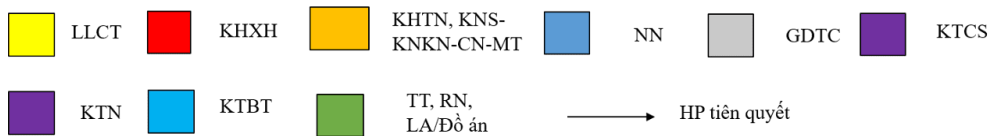
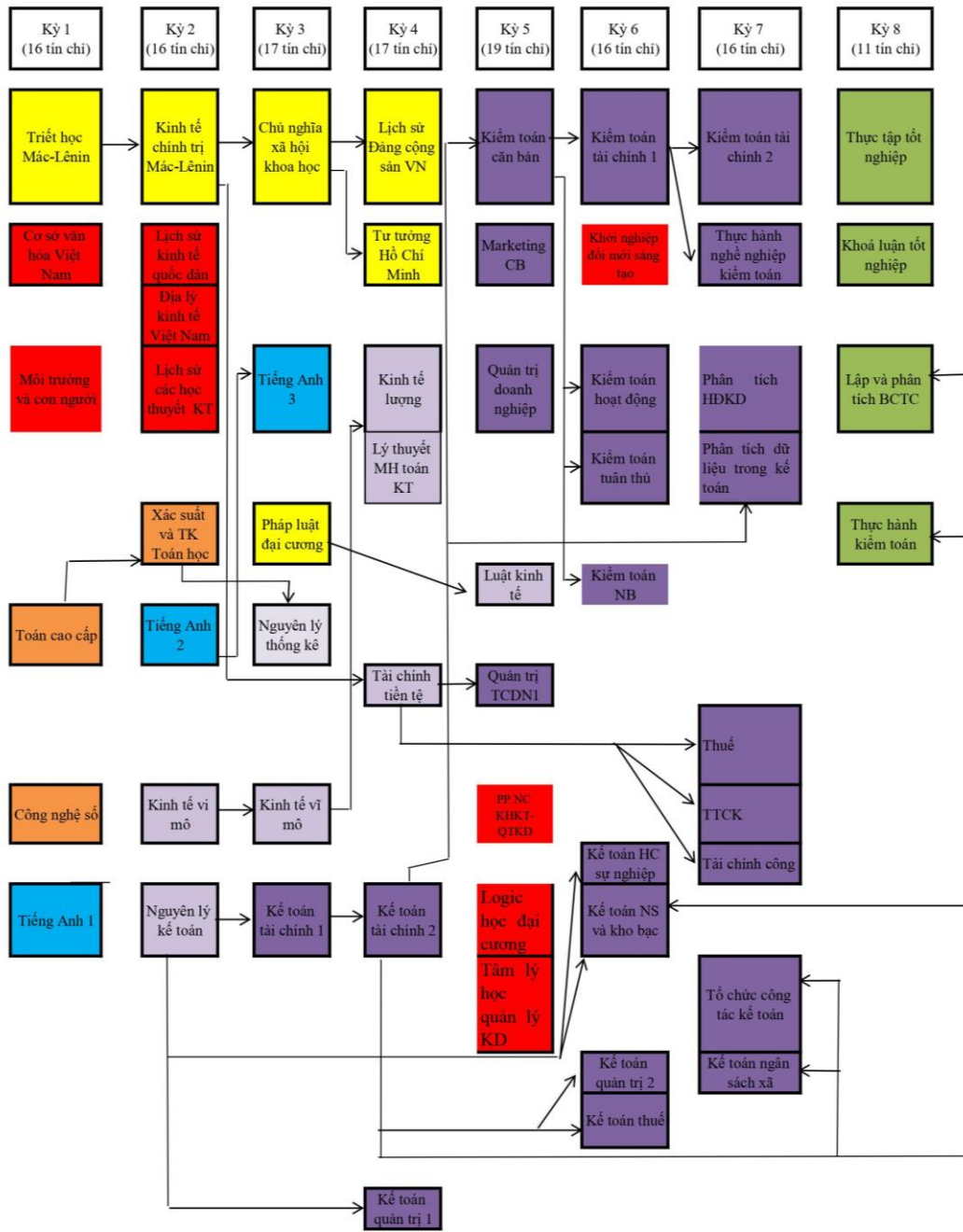
### 3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất				Năm thứ hai			
Học kỳ 1	TC	Học kỳ 2	TC	Học kỳ 3	TC	Học kỳ 4	TC
Triết học Mác-Lênin	3	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2
Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Tiếng Anh 2	3	Tiếng Anh 3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
Môi trường và con người	2	Chọn 1 trong 3: Địa lý kinh tế Việt Nam Lịch sử kinh tế quốc dân Lịch sử các học thuyết KT	2	Kế toán tài chính 1	4	Chọn 1 trong 2 HP: Lý thuyết MH toán kinh tế Kinh tế lượng	3

Tiếng Anh 1	4	Xác suất và TK Toán học	3	Nguyên lý thống kê	3	Kế toán tài chính 2	4
Toán cao cấp	2	Kinh tế vi mô	3	Pháp luật đại cương	2	Tài chính - Tiền tệ	3
Công nghệ số	3	Nguyên lý kế toán	3	Kinh tế vĩ mô	3	Kế toán quản trị 1	3
Giáo dục thể chất 1	2	Giáo dục thể chất 2	2				
<b>Tổng</b>	<b>16</b>	<b>Tổng</b>	<b>16</b>	<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>Tổng</b>	<b>17</b>

Năm thứ ba				Năm thứ tư			
Học kỳ 5	TC	Học kỳ 6	TC	Học kỳ 7	TC	Học kỳ 8	TC
Kiểm toán căn bản	3	Chọn 1 trong 2: Kế toán hành chính sự nghiệp Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc NN	3	Kiểm toán tài chính 2	3	Thực tập tốt nghiệp	5
Quản trị doanh nghiệp	3	Chọn 1 trong 2: Kế toán thuế Kế toán quản trị 2	3	Chọn 1 trong 2: Kế toán ngân sách xã Tổ chức CTKT	3	Khóa luận tốt nghiệp	6
Quản trị tài chính DN 1	3	Kiểm toán tài chính 1	2	Phân tích HĐKD	4	Chọn 1 trong 2 học phần thay thế KLTN:	6
PP NCKH chuyên ngành Kinh tế - QTKD	3	Kiểm toán nội bộ	2	Phân tích dữ liệu trong kế toán		Lập và phân tích BCTC Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	
Marketing căn bản	3	Chọn 1 trong 2: Kiểm toán hoạt động Kiểm toán tuân thủ	3	Chọn 1 trong 3: Thuế Thị trường CK Tài chính công	3		
Logic học đại cương Tâm lý học trong KT-QTKD	2	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	Thực hành nghề nghiệp kiểm toán	3		
Luật kinh tế	2						
<b>Tổng</b>	<b>19</b>	<b>Tổng</b>	<b>16</b>	<b>Tổng</b>	<b>16</b>	<b>Tổng</b>	<b>11</b>

#### 4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học



**5. Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra CTĐT**

HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Triết học Mác-Lênin	✓									
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	✓									
Chủ nghĩa xã hội khoa học	✓									
Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	✓									
Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓									
Pháp luật đại cương	✓									
Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		✓								✓
Phương pháp nghiên cứu KH KT-QTKD									✓	✓
Cơ sở văn hóa Việt Nam		✓								
Môi trường và con người		✓								
Logic học đại cương		✓								
Tâm lý học quản lý kinh doanh			✓							
Địa lý kinh tế VN		✓								
LS kinh tế quốc dân			✓							



HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Lịch sử các học thuyết K T			✓							
Toán cao cấp		✓								
Xác suất và TK Toán học		✓								
Công nghệ số		✓								
Tiếng Anh 1							✓			
Tiếng Anh 2							✓			
Tiếng Anh 3							✓			
Giáo dục thể chất	✓									
Giáo dục quốc phòng	✓									
Kinh tế vi mô			✓							
Kinh tế vĩ mô			✓							
Nguyên lý thông kê			✓							
Nguyên lý kế toán				✓						
Tài chính - Tiền tệ			✓							
Marketing căn bản			✓							
Luật kinh tế	✓									
Quản trị doanh nghiệp			✓							
Quản trị tài chính DN 1			✓							
Lý thuyết MH toán kinh tế			✓							
Kinh tế lượng			✓							

HỌC PHÂN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Kế toán tài chính 1				✓						
Kế toán quản trị 1					✓					
Kế toán tài chính 2				✓						
Kiểm toán căn bản						✓				
Kiểm toán tài chính 1						✓		✓		✓
Kiểm toán nội bộ						✓		✓		✓
Kiểm toán tài chính 2						✓		✓		✓
Thực hành nghề nghiệp kiểm toán						✓		✓	✓	✓
Kế toán HCSN					✓					
Kế toán NS và nghiệp vụ kho bạc Nhà nước					✓					
Kế toán thuế					✓					
Kế toán quản trị 2					✓					
Kế toán ngân sách xã					✓					
Tổ chức CTKT					✓					
Kiểm toán hoạt động						✓		✓		
Kiểm toán tuân thủ						✓		✓		
Thuế			✓							
Thị trường chứng khoán			✓							
Tài chính công			✓							
Phân tích HĐKD					✓					

HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Phân tích dữ liệu trong kế toán					✓					
Thực tập tốt nghiệp						✓		✓	✓	✓
Khoá luận tốt nghiệp						✓				✓
Lập và Phân tích BCTC					✓					
Thực hành kiểm toán						✓		✓	✓	

*Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT*

Thanh Hóa, ngày      tháng      năm 2023

**PHÊ DUYỆT CỦA PHÓ HIỆU TRƯỞNG      LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT**

**PGS.TS. Đậ Bá Thìn**

**PGS.TS. Lê Quang Hiếu**